



MARKET LENS

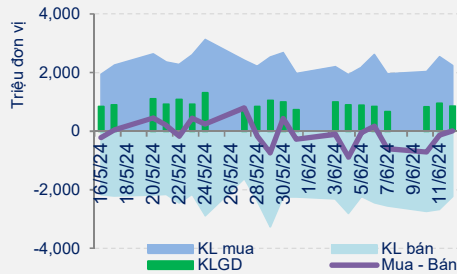
Phiên giao dịch ngày: 12/6/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

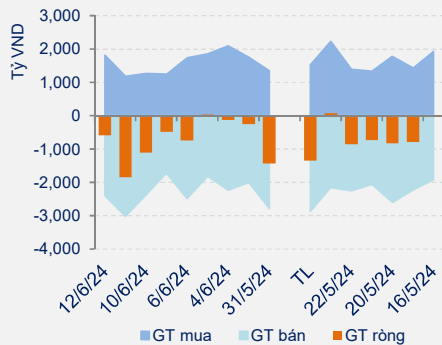
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
Index	1,300.19	248.31
% Thay đổi	↑ 1.23%	↑ 0.77%
KLGD (CP)	856,402,403	81,337,542
GTGD (tỷ đồng)	23,238.06	1,687.37
Tổng cung (CP)	2,235,288,485	142,543,800
Tổng cầu (CP)	2,238,699,889	120,154,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	60,476,614	1,073,266
KL mua (CP)	51,720,491	3,705,475
GT mua (tỷ đồng)	1,813.59	134.39
GT bán (tỷ đồng)	2,403.54	30.12
GT ròng (tỷ đồng)	(589.94)	104.28

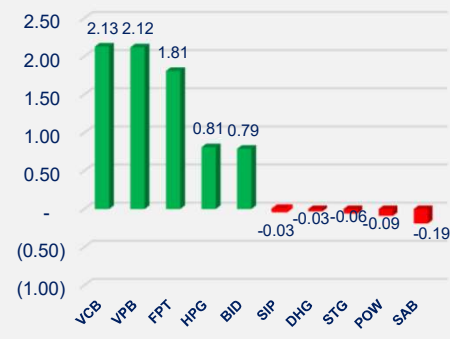
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Ngày hôm nay Ngân Hàng Thế Giới (WB) ra báo cáo mới về triển vọng Kinh tế Toàn cầu với các điểm chính: 1/Tăng trưởng chậm: Kinh tế toàn cầu chững lại lần đầu tiên sau 3 năm, với tốc độ tăng trưởng dự kiến đạt 2,6% trong năm 2024, thấp hơn mức trung bình 3,1% trước đại dịch; 2/Lạm phát dai dẳng: Áp lực lạm phát có dấu hiệu giảm bớt với mức dự báo 3,5% cho năm 2024, tuy nhiên vẫn chậm hơn so với kỳ vọng; 3/Lãi suất cao: Lãi suất trung bình dự kiến duy trì ở mức cao 4% trong giai đoạn 2025-2026, gấp đôi mức bình quân giai đoạn 2000-2019. Trong khi đó, Việt Nam và Indonesia được World Bank coi là điểm sáng trong số các nền kinh tế lớn trong khu vực, với dự báo tăng trưởng lần lượt là 5,5% và 5%.

Ngoài ra, thị trường còn đón nhận thông tin Quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF thuộc BlackRock - Quỹ tài sản lớn nhất thế giới công bố dừng hoạt động cửa hàng tại Việt Nam dự kiến vào cuối quý 1/2025, quỹ mô phỏng cổ phiếu Việt Nam mà quỹ còn nắm giữ khoảng 76 triệu USD (1,900 tỷ đồng), con số không quá lớn.

Trước những thông tin trên, giao dịch trên thị trường có phần thận trọng khi VN-Index chủ yếu diễn biến quanh tham chiếu cho tới đầu phiên chiều. Tuy nhiên trái ngược với 6 phiên giao dịch gần nhất, lực cầu gia tăng kể từ 14h trở đi giúp đà tăng mở rộng và tăng dần cho tới cuối phiên. VN-Index đóng cửa tăng 15,78 điểm (+1,23%) lên mức 1.300,19 điểm, VN30 đóng cửa tại 1.331,81 điểm (+1,8%), cùng đạt mức cao nhất kể từ đầu tháng 6/2022 và cũng là cao nhất năm 2024. HNX kết phiên tại 248,31 điểm (+1,9 điểm, tương ứng +0,77%). Độ rộng thị trường tích cực khi có 220 mã tăng giá, 42 mã tham chiếu và 105 mã giảm giá tại sàn HOSE. Tại sàn HNX có 100 mã tăng giá, 59 mã tham chiếu và 69 mã giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn dù vậy lại giảm so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh giảm 10,41% tại HOSE và 10,39% tại HNX. Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 14 phiên liên tiếp tại HOSE với -589.9 tỷ đồng tập trung vào các mã FPT (-495 tỷ), VHM (-184,2 tỷ), VRE (-102,1 tỷ), và VNM (-89,5 tỷ). Ở chiều ngược lại, các mã được mua ròng gồm MBB (+138,5 tỷ), MSN (+88,7 tỷ)... Tại sàn HNX, khối ngoại tăng mua ròng với +104,28 tỷ đồng, tập trung tại các mã PVS (+46,6 tỷ), IDC (+36,7 tỷ), MBS (+17,9 tỷ) và SHS (+14,3 tỷ). Bán ròng sàn HNX không nhiều, nổi bật là DTD và NTP cùng -4,9 tỷ đồng.

Động lực tăng điểm của VN-Index hôm nay đến từ nhóm Ngân Hàng, nổi bật là VPB (+6%) đóng góp +2,295 điểm cho VN-Index với khối lượng khớp lệnh cao nhất 3 năm bên cạnh các cổ phiếu khác như VCB (+1,7%), MBB (+2,44%), HDB (+1,91%), TPB (+1,37%), SHB (+1,29%). Ngoài ra cổ phiếu đầu tàu ngành Công Nghệ Thông Tin là FPT (+4,33 %) cũng đóng góp +1,8 điểm cho VN-Index cùng với CMG (+1,46%). Cổ phiếu chứng khoán cũng chứng kiến nhiều mã tăng mạnh với thanh khoản đột biến như EVS (+5,13%), DSC (+6,52%) cùng với SSI (+2,2%), VIX (+3,8%)... Ngành Thép cũng có sự khởi sắc với HPG (+1,7%), HSG (+1%), GDÁ (+11,15%)... Dòng tiền cũng lan tỏa đồng đều khắp các cổ phiếu ngành Bán Lẻ MWG (+1,77 %), DGW (+ 2,64%), FRT (+2,03 %)... qua đó góp phần tích cực chung cho toàn thị trường.

Đứng ngoài xu thế chung, ngành Y Tế chứng kiến nhiều mã giảm điểm như cổ phiếu DHG (-0,85%), DBD(-0,56 %), VDP (-0,5 %).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng +25,7 điểm tương ứng +1,97%, kết phiên tại +1.330,7 điểm. Chênh lệch so với VN30 được rút ngắn so với phiên hôm qua chỉ còn -1,11 điểm, cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã có phân tích cực hơn và bám sát diễn biến thị trường cơ sở. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch +6,86% so với phiên trước, cao hơn mức trung bình 20 ngày. Diễn biến tích cực phiên hôm nay đã giúp VN30F2406 chinh phục kháng cự mạnh 1.320 điểm. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -1,91 điểm đến -4,81 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 54.141, giảm so với phiên gần nhất (54.910) cho thấy xu hướng giảm các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau những phiên chịu áp lực điều chỉnh khi tiệm cận lại vùng giá cao nhất phiên giảm điểm ngày 15/04/2024, phiên hôm nay dưới ảnh hưởng tích cực, dẫn dắt của các cổ phiếu ngân hàng, VN30, VN-INDEX đã phục hồi mạnh mẽ. Qua đó sau 05 phiên liên tiếp rung lắc điều chỉnh ở vùng kháng cự 1.295 điểm, tương ứng giá cao nhất tháng 03/2024, VN-INDEX đã tăng 15,78 điểm (+1,23%) lên mức 1.300,19 điểm, vượt lên vùng kháng cự tâm lý mạnh, tương ứng đỉnh giá tháng 08/2022 và 03/2024. VN30 tăng 23,51 điểm (+1,81%) lên 1.331,81 điểm, vượt giá cao nhất tháng 04/2024.

Trong ngắn hạn VN-INDEX đang vượt lên trên 1.300 điểm, hướng tới vùng giá quanh 1.320 điểm là cạnh trên của đường xu hướng trung hạn nối các vùng giá cao nhất năm 2023 và 03/2024, cũng là vùng giá cao nhất tháng 06/2022 của VN-INDEX, VN30 hướng tới 1.350 điểm. Đây vẫn là vùng kháng cự rất mạnh, để có thể vượt qua cần thêm hỗ trợ của các yếu tố vĩ mô cũng như kỳ vọng kết quả kinh doanh tích cực của nhóm cổ phiếu lớn, ngân hàng. Trường hợp tích cực nếu VN-INDEX có thể vượt qua vùng kháng cự trên thì kỳ vọng có thể tiến đến vùng 1.350 điểm - 1.370 điểm, mở rộng lên tới 1.400 điểm. Trong kịch bản không thể bứt phá lên trên vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn của chỉ số sẽ là tiếp tục quay trở lại dao động trong vùng 1.250 điểm – 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX vẫn giao dịch trong kênh rộng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023. Chúng tôi sẽ cập nhật chi tiết sau khi có những đánh giá về tình hình vĩ mô cuối quý II/2024, kết quả kinh doanh quý II của các doanh nghiệp.

Mặc dù VN-INDEX đang vượt vùng kháng cự mạnh, tuy nhiên khối lượng giao dịch giảm so với hôm qua. Điểm số chịu ảnh hưởng lớn từ một số mã giao dịch rất đột biến trong VN30, điển hình như VPB tăng giá mạnh với khối lượng giao dịch rất đột biến trong nhiều năm. Do đó ngắn hạn VNINDEX, VN30 sẽ chịu áp lực kiểm tra lại vùng kháng cự đỉnh giá tháng 03, 04/2024 tương ứng các vùng giá quanh 1.295 điểm, 1.322 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân như khuyến nghị tiếp tục nắm giữ hoặc nếu có tỉ trọng cao có thể xem xét bán chốt lãi dần đối với các mã đã đạt kỳ vọng, hoặc cơ cấu bán các mã yếu kém nếu có. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới, cần đánh giá cẩn trọng hơn dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành, khi quý II/2024 đang dần kết thúc.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	39.45	33-34	40-42	32	17.1	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.04	19-20	26-28	18	8.9	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MBB	23.10	22.7-23.2	26.5-27.5	21	6.0	-3.5%	-9.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	38.55	32	38-39	36	20.5%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	38.85	32.2	40-41	37	20.7%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	18.65	14.2	18-18.5	17.5	31.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	45.60	36.8	46-47	43	23.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.60	28.75	35-36	31	9.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	132.00	98.4	133-135	125	34.1%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ
BlackRock sắp đóng quỹ iShares ETF đang đầu tư mạnh vào cổ phiếu Việt Nam

Trong thông báo, BlackRock cho biết quỹ ETF này sẽ ngừng giao dịch và không còn chấp nhận các lệnh tạo và mua lại chứng chỉ quỹ sau khi thị trường đóng cửa ngày 31/03/2025. Tuy nhiên, thông báo cũng nhấn mạnh lộ trình có thể thay đổi.

Tính tới ngày 10/06, quỹ iShares Frontier và Select EM ETF có tổng giá trị tài sản ròng (NAV) hơn 425 triệu USD, tương đương khoảng 10,300 tỷ đồng. Trong đó, 18% danh mục đầu tư vào cổ phiếu Việt Nam, tương đương khoảng 76 triệu USD (khoảng 1,900 tỷ đồng).

Tại ngày 10/06, các cổ phiếu chiếm tỷ trọng cao nhất trong danh mục của iShares Frontier & Select EM ETF bao gồm HPG (2.37%), VHM (1.76%), VIC (1.73%), VNM (1.48%)...

World Bank: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 duy trì ổn định

Báo cáo của World Bank chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương – bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, các quốc gia ASEAN và các quốc đảo Thái Bình Dương – dự kiến sẽ giảm từ mức 4,2% xuống 4% trong năm nay.

Trong khi đó, Việt Nam và Indonesia được World Bank coi là điểm sáng trong số các nền kinh tế lớn trong khu vực, với dự báo tăng trưởng lần lượt là 5,5% và 5%. Trong số các nền kinh tế tiên tiến, Nhật Bản – với tốc độ tăng trưởng tiêu dùng và xuất khẩu chậm lại, được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 0,7% vào năm 2024, so với mức 1,9% của năm ngoái.

Đối với Mỹ, World Bank dự báo rằng nền kinh tế nước này tiếp tục duy trì ổn định ở mức tăng trưởng 2,5% trong năm thứ hai liên tiếp vào năm 2024, với cơ hội tăng trưởng mạnh hơn dự kiến.

Doanh số ô tô tháng 5 tăng nhẹ nhờ nhiều sản phẩm được ưu đãi

Theo báo cáo từ Hiệp hội Các nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA) ngày 11/6, trong tháng 5/2024, doanh số bán hàng của các thành viên đạt 25.794 xe, tăng 6% so với tháng 4/2024 và tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tháng vừa qua, VAMA có 18.235 du lịch, 7.292 xe thương mại và 267 xe chuyên dụng được bán ra. Lượng xe du lịch và xe thương mại tương ứng mức tăng 6%, 7%. Doanh số xe chuyên dụng giảm 4% so với tháng trước.

Về xếp hạng thị phần thương hiệu trong tháng 5/2024, Toyota tiếp tục giữ ngôi vị đầu bảng với lượng bán 5.356 xe, tăng 19% so với tháng trước đó. Hyundai vẫn giữ vững vị trí thứ hai với 4.914 xe, tăng 14,9%. Ford duy trì ở vị trí thứ ba với 3.270 xe, tăng 7%.

Thừa Thiên Huế sẽ dành hơn 400ha đất phát triển các dự án nhà ở xã hội

Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế vừa ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở xã hội tại Khu B- Đô thị mới An Vân Dương, thuộc địa phận phường Thủy Vân, TP.Huế.

Dự án được thực hiện tại khu đất ký hiệu XH1 - Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 1, thuộc Khu B- Đô thị mới An Vân Dương. Tổng mức đầu tư dự án là 1.189,73 tỷ đồng, trong đó chi phí thực hiện dự án là 1.187,65 tỷ đồng, còn lại là chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Dự án nhằm mục tiêu hình thành khu nhà ở xã hội dạng chung cư để giải quyết nhu cầu nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp, hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động.



TIN DOANH NGHIỆP

Chứng khoán VIX (VIX) triển khai 4 đợt tăng vốn, nâng vốn điều lệ lên 14.592,9 tỷ đồng

Ngày 11/6, Chứng khoán VIX thông qua trình tự, thời gian thực hiện việc phát cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024

Được biết, tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024, Chứng khoán VIX đã thông qua trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu; phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 10%; chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 95%, tương ứng chào bán thêm 635,97 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, huy động 6.359,7 tỷ đồng; và phát hành 20 triệu cổ phiếu ESOP.

Như vậy, nếu hoàn thành 4 đợt chào bán, vốn điều lệ của Chứng khoán VIX sẽ tăng từ 6.694,4 tỷ đồng lên 14.592,9 tỷ đồng.

TCM: Công ty mẹ báo lãi tháng 5 gấp đôi cùng kỳ

Trong tháng 4/2024, Công ty Dệt may Thành Công ghi nhận doanh thu Công ty mẹ đạt hơn 13 triệu USD (tương ứng 330,7 tỷ đồng), tăng 33% so với cùng kỳ và lợi nhuận đạt hơn 1,1 triệu USD (khoảng 28 tỷ đồng), tăng 116%.

Xét về cơ cấu doanh thu trong tháng 5/2024, sản phẩm may chiếm 75% tổng doanh thu, sản phẩm vải chiếm 15% tổng doanh thu, 9% doanh thu đến từ sản phẩm sợi và còn lại 1% từ sản phẩm khác.

MSN: Khối ngoại nâng định giá MSN lên 100.000 đồng

Ngày 30-5, Masan High-Tech Materials (MHT, Công ty thành viên thuộc Tập đoàn Masan) công bố đã ký kết Hợp đồng mua bán với Tập đoàn Mitsubishi Materials Corporation. Theo đó, Tập đoàn Mitsubishi Materials Corporation sẽ mua 100% H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (HCS) từ MHT với giá 134,5 triệu USD. Lượng tiền thu được từ giao dịch dự kiến sẽ giúp giảm nợ vay của MHT và góp phần vào mục tiêu giảm Nợ ròng trên EBITDA (Lợi nhuận trước thuế lãi vay và khấu hao) của Tập đoàn Masan về mức $\leq 3,5x$. Masan dự kiến sẽ ghi nhận khoản lợi nhuận một lần khoảng 40 triệu USD từ giao dịch này và hưởng lợi từ việc tăng lợi nhuận thuần sau thuế thêm 20-30 triệu USD trong dài hạn.

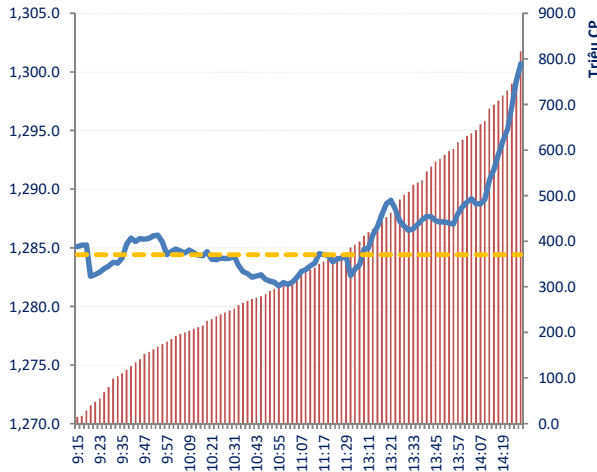
Hiệp hội Kinh doanh Vàng kiến nghị cho Doji, PNJ,...tham gia bán vàng bình ổn

Hiệp hội Kinh doanh Vàng cho biết cơ quan này đã gửi công văn kiến nghị cho phép các doanh nghiệp của VGTA đã được cấp phép bán vàng miếng như PNJ, Doji,...tham gia việc bán vàng bình ổn, cùng với nhóm ngân hàng Big 4 và SJC nhằm giảm bớt tình trạng xếp hàng. Những doanh nghiệp này đã có hệ thống mạng lưới cửa hàng rộng cùng với kinh nghiệm lâu năm trong việc bán vàng.

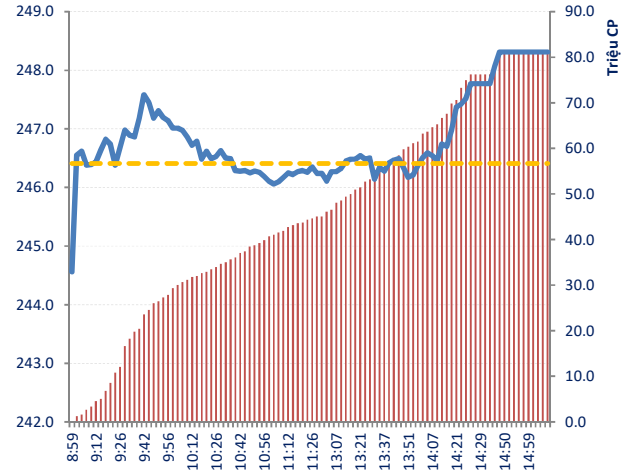


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

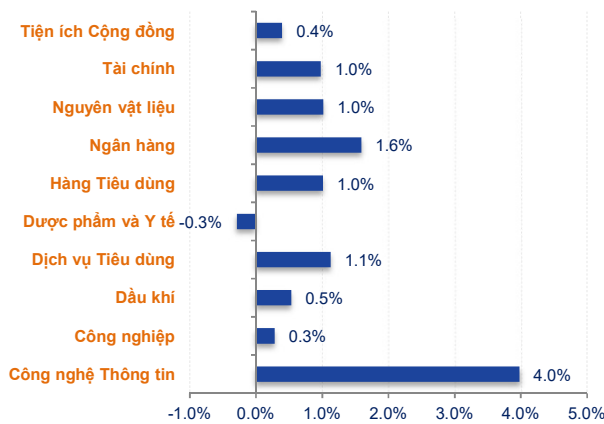
KLGD và VN-Index trong phiên



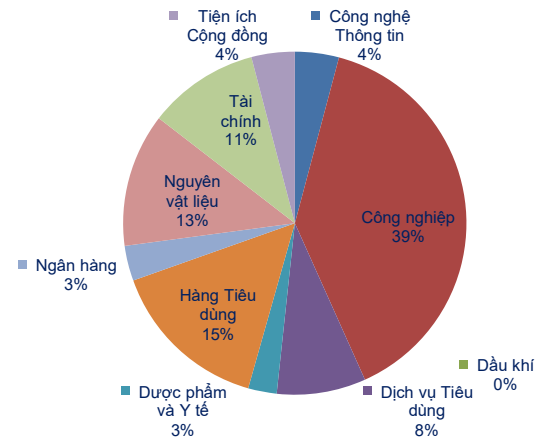
KLGD và HNX-Index trong phiên



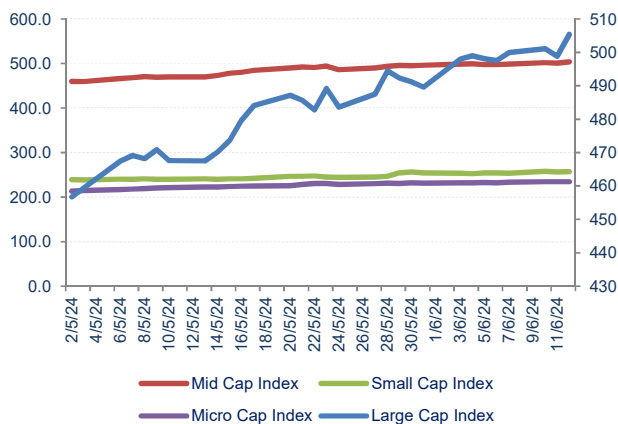
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



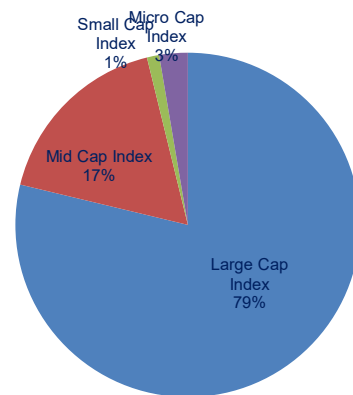
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	6,093,349	VHM	4,859,584
2	SSI	1,682,200	VRE	4,696,827
3	MSN	1,150,042	FPT	3,780,711
4	VCG	1,013,639	VPB	3,285,700
5	HSG	885,328	POW	1,627,809

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	1,033,457	DTD	139,500
2	SHS	740,909	NTP	82,200
3	IDC	590,822	IDJ	46,800
4	MBS	516,900	AAV	45,600
5	HUT	115,958	IVS	43,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VPB	18.30	19.40	↑	6.01%	75,826,300
VIX	18.35	19.05	↑	3.81%	50,539,200
EIB	18.95	19.20	↑	1.32%	41,178,600
LPB	25.70	26.10	↑	1.56%	35,899,931
SHB	11.65	11.80	↑	1.29%	29,010,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	19.20	19.50	↑	1.56%	18,429,021
PVS	44.50	45.40	↑	2.02%	5,578,626
CEO	18.40	18.70	↑	1.63%	4,396,684
TIG	16.30	16.30	→	0.00%	3,580,587
MBS	34.30	34.90	↑	1.75%	3,496,148

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCI	21.45	22.95	1.50	↑ 6.99%
ACG	44.35	47.45	3.10	↑ 6.99%
PAC	50.80	54.30	3.50	↑ 6.89%
SSC	33.50	35.80	2.30	↑ 6.87%
SFC	22.85	24.40	1.55	↑ 6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMX	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
HAT	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
PSI	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
CMS	14.50	15.90	1.40	↑ 9.66%
CTT	16.80	18.40	1.60	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FPT	146.50	132.00	-14.50	↓ -9.90%
TNC	49.30	45.85	-3.45	↓ -7.00%
PSH	6.60	6.16	-0.44	↓ -6.67%
TDW	49.90	46.60	-3.30	↓ -6.61%
COM	33.10	31.10	-2.00	↓ -6.04%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	32.40	29.20	-3.20	↓ -9.88%
VNT	49.00	44.20	-4.80	↓ -9.80%
VTC	11.00	10.00	-1.00	↓ -9.09%
NAP	12.10	11.00	-1.10	↓ -9.09%
NHC	32.00	29.10	-2.90	↓ -9.06%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	75,826,300	8.9%	1,525	12.0	1.0
VIX	50,539,200	12.8%	1,670	11.0	1.4
EIB	41,178,600	9.0%	1,147	16.5	1.4
LPB	35,899,931	21.6%	2,914	8.8	1.8
SHB	29,010,100	15.6%	2,150	5.4	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,429,021	5.7%	688	27.9	1.5
PVS	5,578,626	7.1%	1,992	22.3	1.5
CEO	4,396,684	2.8%	365	50.5	1.5
TIG	3,580,587	10.3%	1,386	11.8	1.2
MBS	3,496,148	13.0%	1,475	23.3	2.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCI	↑ 7.0%	14.1%	2,095	10.2	1.5
ACG	↑ 7.0%	11.6%	3,195	13.9	1.6
PAC	↑ 6.9%	12.7%	2,515	20.2	2.5
SSC	↑ 6.9%	15.3%	4,349	7.7	1.1
SFC	↑ 6.8%	13.6%	2,134	10.7	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TMX	↑ 10.0%	2.4%	371	24.3	0.6
HAT	↑ 10.0%	35.7%	7,739	5.2	1.8
PSI	↑ 9.9%	4.2%	484	16.7	0.7
CMS	↑ 9.7%	0.7%	85	171.3	1.3
CTT	↑ 9.5%	19.0%	2,641	6.4	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	6,093,349	21.5%	3,861	5.8	1.2
SSI	1,682,200	11.1%	1,702	21.0	2.2
MSN	1,150,042	0.8%	214	354.1	2.4
VCG	1,013,639	8.1%	1,543	14.7	1.1
HSG	885,328	8.1%	1,423	17.1	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,033,457	7.1%	1,992	22.3	1.5
SHS	740,909	5.7%	688	27.9	1.5
IDC	590,822	31.7%	5,880	10.6	3.2
MBS	516,900	13.0%	1,475	23.3	2.9
HUT	115,958	0.7%	97	188.1	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	487,369	20.0%	5,838	14.9	2.8
BID	269,916	18.1%	3,841	12.3	2.1
HPG	186,131	9.2%	1,455	20.0	1.8
FPT	186,050	22.8%	5,338	27.4	5.9
GAS	184,428	16.4%	4,688	17.1	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,269	7.1%	1,992	22.3	1.5
IDC	20,592	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	16,333	0.7%	97	188.1	1.4
SHS	15,613	5.7%	688	27.9	1.5
MBS	15,011	13.0%	1,475	23.3	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CCL	2.62	8.9%	1,014	11.0	1.0
FIR	2.49	1.9%	223	35.1	0.7
PSH	2.33	-9.6%	(1,295)	-	0.5
EVF	2.31	5.8%	708	21.4	1.2
TCD	2.23	1.7%	213	33.0	0.6

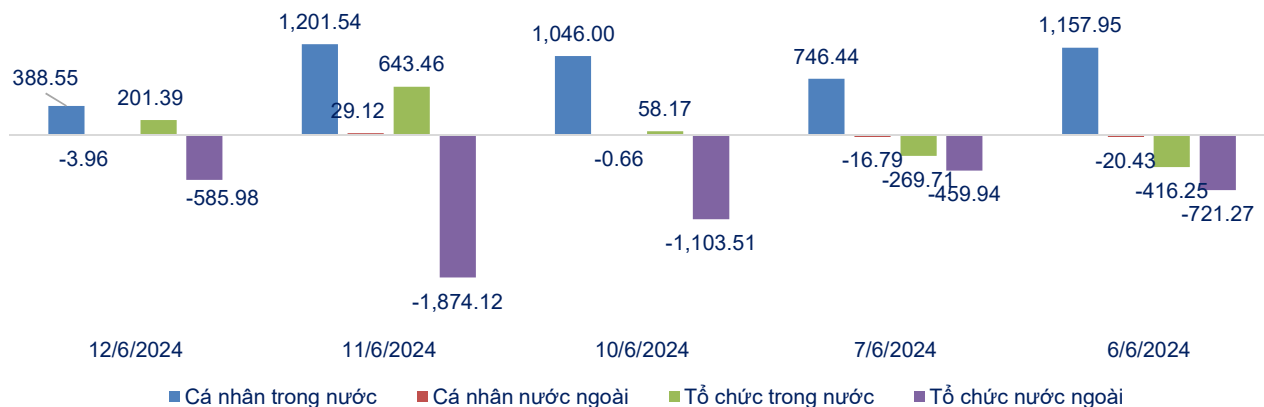
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	4.72	-6.9%	(772)	-	0.8
HMR	3.79	9.2%	1,214	26.7	2.5
IDJ	3.78	5.0%	584	13.0	0.6
PHN	3.14	39.6%	8,294	8.4	3.0
MCO	3.03	0.8%	97	213.5	1.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	600.28	22.8%	5,338	27.4	5.9
VHM	189.69	12.1%	5,074	7.5	0.8
VRE	102.63	12.0%	1,966	11.0	1.3
VNM	72.75	26.0%	4,410	15.1	3.9
DCM	54.57	12.0%	2,313	17.0	2.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	-164.93	4.8%	963	32.2	1.5
VPB	-164.90	8.9%	1,525	12.0	1.0
MSN	-111.05	0.8%	214	354.1	2.4
TCB	-89.18	15.2%	5,606	8.8	1.3
HSG	-77.73	8.1%	1,423	17.1	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	10.21	22.8%	5,338	27.4	5.9
CSV	5.68	13.3%	4,370	16.5	2.1
CTG	2.17	16.2%	3,751	8.9	1.4
BCM	1.79	13.3%	2,384	26.4	3.3
DHA	1.74	21.5%	6,063	7.5	1.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-8.74	26.0%	4,410	15.1	3.9
VIX	-5.23	12.8%	1,670	11.0	1.4
VTP	-4.38	23.2%	2,981	26.1	5.8
HCM	-2.55	10.0%	1,478	19.9	2.0
MWG	-2.54	4.4%	717	86.9	3.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	225.03	8.9%	1,525	12.0	1.0
PET	165.04	4.8%	963	32.2	1.5
TCB	82.65	15.2%	5,606	8.8	1.3
FUEVFNVD	63.15	N/A	N/A	N/A	N/A
HSG	56.08	8.1%	1,423	17.1	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-104.99	22.8%	5,338	27.4	5.9
SSI	-77.52	11.1%	1,702	21.0	2.2
MBB	-69.00	21.5%	3,861	5.8	1.2
HDB	-49.27	24.7%	3,830	6.1	1.4
BID	-37.45	18.1%	3,841	12.3	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	138.36	21.5%	3,861	5.8	1.2
MSN	90.46	0.8%	214	354.1	2.4
SSI	62.24	11.1%	1,702	21.0	2.2
SGN	39.56	23.5%	6,982	11.6	2.5
HAH	34.59	10.3%	2,978	16.3	1.6

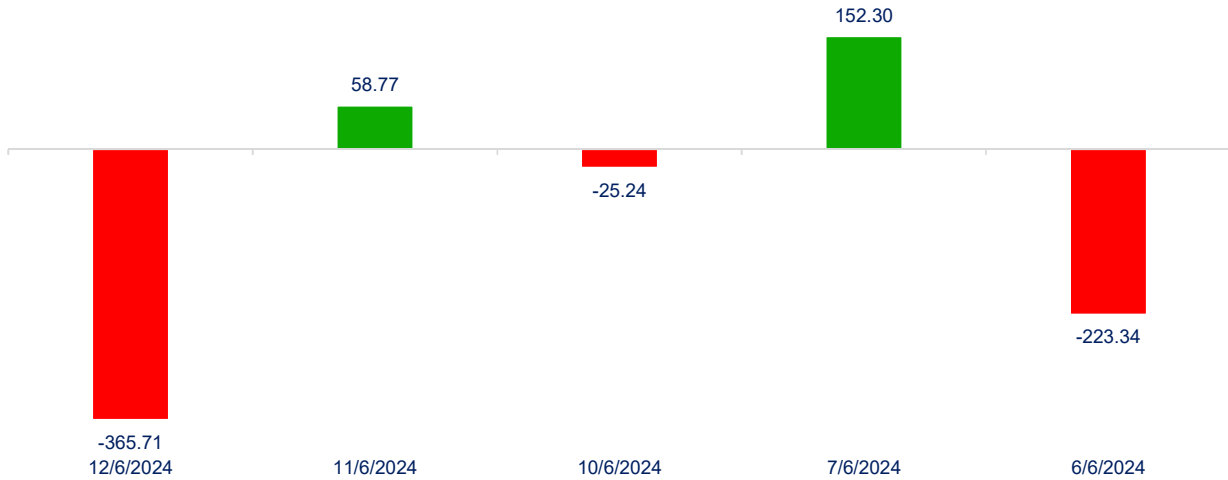
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-505.51	22.8%	5,338	27.4	5.9
VHM	-184.04	12.1%	5,074	7.5	0.8
VRE	-102.14	12.0%	1,966	11.0	1.3
VNM	-80.79	26.0%	4,410	15.1	3.9
VPB	-60.29	8.9%	1,525	12.0	1.0

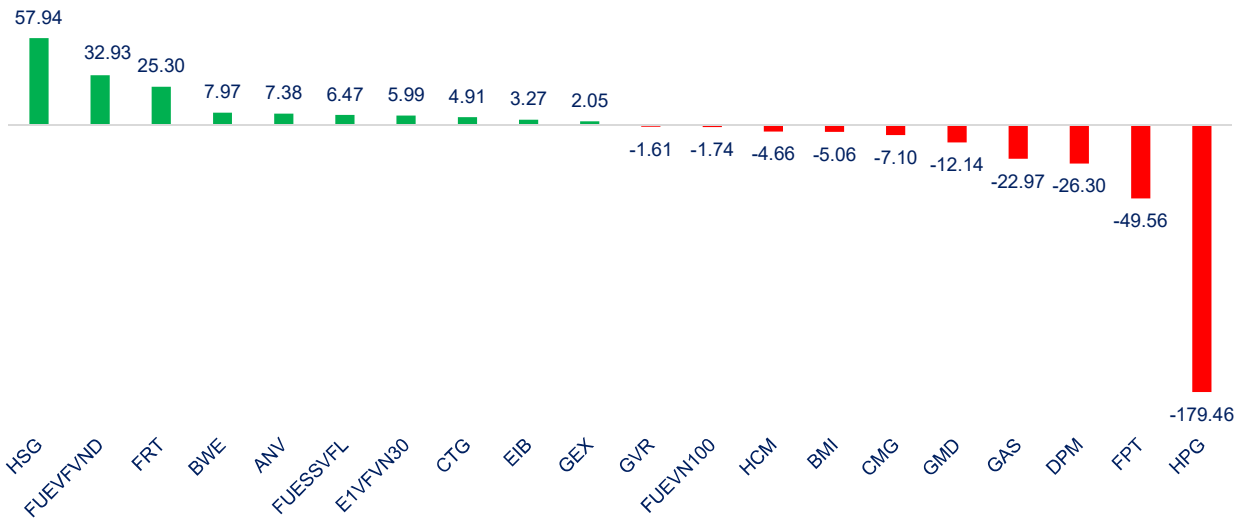


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
